

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1030/STC - TCHCSN

Quảng Trị, ngày 14 tháng 4 năm 2021

V/v đề nghị tham gia dự thảo quyết định quy định thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (lần 2)

Kính gửi:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Sở Xây dựng
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Sở Giao thông vận tải.

Thực hiện Công văn số 130/UBND-NC ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh về việc phân công xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2021;

Ngày 15/3/2021, Sở Tài chính có Công văn số 601/STC-TCHCSN gửi đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương tham gia ý kiến dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Trên cơ sở tham gia góp ý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương, Sở Tài chính đã tổng hợp tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa dự thảo.

Để hoàn thiện dự thảo báo cáo Sở Tư pháp thẩm định trình UBND tỉnh ban hành theo quy định, Sở Tài chính kính đề nghị Quý cơ quan quan tâm góp ý, gửi ý kiến đóng góp bằng văn bản hoặc góp ý trực tiếp vào dự thảo (lần 2) gửi về Sở Tài chính trước ngày **16/4/2021** để tổng hợp.

Đề nghị Ban biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định để người dân tham gia ý kiến./.

(Gửi kèm theo dự thảo Quyết định của UBND tỉnh).

Rất mong sự quan tâm phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (Báo cáo)
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- GD, các PGD;
- Lưu VT, TCHCSN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Le Thị Hải Hà

Số: /2021/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO LẦN 2

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp,
mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 40/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày / /2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày / /2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước Quảng Trị; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Cục KT văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CPVP và các phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, TM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY ĐỊNH

**Thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp,
mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày / /2020
của UBND tỉnh Quảng Trị)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này quy định về thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất (sau đây gọi tắt là sửa chữa công trình) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Quy định này thực hiện đối với các dự án sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, nguồn thu được để lại theo chế độ quy định (kể cả các Quỹ của đơn vị sự nghiệp) dùng để sửa chữa công trình có chi phí thực hiện dưới 2 tỷ đồng. Trường hợp công trình có chi phí thực hiện từ 2 tỷ đồng trở lên thực hiện bằng vốn đầu tư công.

c) Quy định này không điều chỉnh đối với các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công, xây dựng mới công trình hoặc xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở đã có; các công trình có tính đặc thù được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật riêng; các dự án sử dụng toàn bộ nguồn vốn từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan nhà nước cấp tỉnh; huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện), xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã);

b) Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; các hội được ngân sách nhà nước cân đối, hỗ trợ kinh phí hoạt động;

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến sửa chữa công trình.

Điều 2. Nguồn kinh phí và quản lý nguồn kinh phí

1. Kinh phí thực hiện sửa chữa công trình từ các nguồn kinh phí sau:

a) Nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

b) Nguồn thu được để lại theo chế độ quy định (kể cả các Quỹ của đơn vị sự nghiệp) để chi thường xuyên.

c) Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để chi thường xuyên.

2. Quản lý nguồn kinh phí:

a) Kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo và được tổng hợp vào dự toán hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b) Các cơ quan, đơn vị được bố trí kinh phí chỉ được thực hiện trong phạm vi dự toán được giao hàng năm và khả năng cân đối nguồn vốn của cơ quan, đơn vị, không làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Trình tự thực hiện

Cơ quan, đơn vị thực hiện theo trình tự như sau:

1. Đối với công trình có chi phí thực hiện dưới 500 triệu đồng:

a) Cơ quan, đơn vị nêu tên công trình, mục tiêu, sự cần thiết sửa chữa báo cáo với cơ quan chủ quản (đơn vị dự toán cấp 1, nếu có), cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn về xây dựng để khảo sát hiện trạng, thống nhất nội dung công việc sửa chữa công trình.

b) Cơ quan, đơn vị tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt hoặc trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ dự toán, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (thiết kế - dự toán) theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 Quy định này.

c) Lập dự toán, phân bổ dự toán kinh phí theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

d) Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

đ) Tổ chức lựa chọn nhà thầu để thực hiện sửa chữa công trình.

e) Tổ chức thực hiện sửa chữa công trình và quản lý chất lượng công trình theo quy định về xây dựng. Tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, quyết toán, bảo hành công trình.

g) Quyết toán nguồn kinh phí theo quy định tại khoản 1, Điều 9 Quy định này.

2. Đối với công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng:

a) Cơ quan, đơn vị nêu mục tiêu, sự cần thiết và dự kiến kinh phí sửa chữa báo cáo cơ quan chủ quản để tổng hợp trình (đơn vị dự toán cấp 1, nếu có) cơ quan tài chính, cấp có thẩm quyền (UBND tỉnh đối với cơ sở vật chất thuộc tỉnh quản lý và UBND cấp huyện đối với cơ sở vật chất thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý) về chủ trương sửa chữa công trình. Cơ quan tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan kế hoạch đầu tư và tư khảo sát hiện trạng, thống nhất công việc sửa chữa công trình và căn cứ vào nguồn kinh phí

thực hiện sửa chữa theo Điều 2 Quy định này để tham mưu trình cấp có thẩm quyền đồng ý chủ trương thực hiện sửa chữa công trình.

b) Tổ chức quản lý dự án đối với công trình sửa chữa theo Điều 4 Quy định này.

c) Tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 Quy định này.

d) Lập dự toán, phân bổ dự toán kinh phí theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

đ) Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

e) Tổ chức lựa chọn nhà thầu để thực hiện sửa chữa công trình.

g) Tổ chức thực hiện sửa chữa công trình và quản lý chất lượng công trình theo quy định về xây dựng. Tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng; quyết toán công trình; bảo hành công trình.

h) Lập báo cáo quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và quyết toán nguồn kinh phí theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

Điều 4. Thực hiện quản lý dự án đối với sửa chữa công trình

Cơ quan, đơn vị nếu đủ điều kiện, năng lực theo quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng thì sử dụng tư cách pháp nhân của mình và bộ máy chuyên môn trực thuộc để trực tiếp quản lý dự án công trình sửa chữa; trường hợp không đủ điều kiện thực hiện, chủ đầu tư được thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng hoặc ký hợp đồng ủy thác quản lý dự án với Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý khu vực nơi công trình thực hiện sửa chữa để quản lý dự án.

Điều 5. Lập, thẩm tra, thẩm định và phê duyệt dự toán, thiết kế dự toán, báo cáo kinh tế kỹ thuật

1. Đối với công trình có chi phí thực hiện dưới 500 triệu đồng:

a) Trường hợp bảo trì công trình (việc sửa chữa công trình nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình):

Cơ quan, đơn vị tự lập dự toán hoặc thuê đơn vị tư vấn có năng lực lập dự toán hoặc thiết kế bản vẽ thi công - dự toán gửi đến cơ quan quản lý về xây dựng thẩm định trước khi phê duyệt. Đối với công trình thuộc cấp tỉnh quản lý, cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định kế bản vẽ thi công - dự toán và tổ chức phê duyệt. Trường hợp công trình do cấp huyện quản lý, cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ đến cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện để thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - dự toán trình UBND cấp huyện phê duyệt.

Cơ quan, đơn vị không được chia nhỏ công việc sửa chữa, bảo trì dưới 500 triệu đồng để thực hiện phê duyệt dự toán, thiết kế - dự toán.

b) Trường hợp cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình:

Cơ quan, đơn vị thuê đơn vị tư vấn có năng lực để thiết kế bản vẽ thi công - dự toán. Đối với công trình thuộc cấp tỉnh quản lý, cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ

đến cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - dự toán trình UBND cấp tỉnh phê duyệt. Trường hợp công trình do cấp huyện quản lý, chủ đầu tư gửi hồ sơ đến cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện để thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - dự toán trình UBND cấp huyện phê duyệt.

2. Đối với công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng:

Cơ quan, đơn vị tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn có năng lực lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Về cơ quan thực hiện thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, cụ thể như sau:

a) Đối với công trình thuộc cấp tỉnh quản lý do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế - dự toán (Trong quá trình thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan liên quan (nếu có) và tổng hợp trình UBND cấp tỉnh phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật).

b) Đối với công trình cấp huyện quản lý do cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện thẩm định thiết kế - dự toán (Trong quá trình thẩm định cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan liên quan (nếu có) và tổng hợp trình UBND cấp huyện phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật).

Điều 6. Lập dự toán, phân bổ dự toán kinh phí

Hàng năm vào thời điểm lập dự toán ngân sách năm sau, cơ quan, đơn vị căn cứ quyết định phê duyệt dự toán, thiết kế - dự toán, Báo cáo kinh tế kỹ thuật (tùy từng trường hợp cụ thể) lập dự toán kinh phí thực hiện sửa chữa công trình tổng hợp chung vào dự toán của cơ quan, đơn vị mình; gửi cơ quan chủ quản (đơn vị dự toán cấp I) kèm theo các hồ sơ tài liệu về lập và phân bổ dự toán theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư 92/2017/TT- BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính, để xem xét, tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ kinh phí.

Trong năm, cơ quan, đơn vị phát sinh nhu cầu sửa chữa công trình thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 và Điểm b, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính.

Điều 7. Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Việc lập, trình, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trong đó, cơ quan, đơn vị thực hiện lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu như sau:

1. Đối với sửa chữa công trình có chi phí thực hiện dưới 500 triệu đồng:

Cơ quan, đơn vị tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Đối với sửa chữa công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng:

Cơ quan, đơn vị lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Sở Kế hoạch - Đầu tư thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với cơ sở vật chất thuộc tỉnh quản lý; trình Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định và UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với cơ sở vật chất thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý.

3. Hình thức lựa chọn nhà thầu, Quy trình thực hiện lựa chọn nhà thầu:

Căn cứ vào giá gói thầu, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu để tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn liên quan.

4. Căn cứ vào giá gói thầu, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu để tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

Điều 8. Tạm ứng, thanh toán kinh phí

Tạm ứng, thanh toán kinh phí sửa chữa công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước.

Chủ đầu tư không phải mở mã số dự án để thực hiện tạm ứng, thanh toán kinh phí sửa chữa công trình tại quy định này.

Điều 9. Quyết toán kinh phí

1. Các công trình có mức vốn dưới 500 triệu đồng:

Các cơ quan, đơn vị tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán hàng năm theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính Quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

2. Các công trình có mức vốn từ 500 triệu đồng trở lên:

Ngoài việc lập quyết toán hàng năm theo quy định như khoản 1 Điều này, cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và các hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước gửi cơ quan Tài chính thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

Đối với công trình thuộc tỉnh quản lý cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ đến Sở Tài chính để thẩm tra, phê duyệt; đối với công trình thuộc cấp huyện quản lý gửi hồ sơ đến Phòng Tài chính - Kế hoạch để thẩm tra trình UBND huyện, thị xã, thành phố phê duyệt.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Tri triển khai thực hiện theo đúng quy định.
2. UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ quy định này và điều kiện thực tế của địa phương để phân cấp, giao các đơn vị thực hiện quản lý và sửa chữa công trình cho phù hợp.
3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.
4. Trường hợp có phát sinh vướng mắc, các Sở, Ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố báo cáo bằng văn bản gửi đến Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu trình UBND tỉnh điều chỉnh theo thẩm quyền./.